

Số: /2020/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dự thảo**THÔNG TƯ****Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030***Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;**Căn cứ Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030;**Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;**Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư ban hành Tài liệu hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030;***Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Tài liệu hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030.**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp cơ quan thống kê; Thủ trưởng cơ quan thống kê; Thủ trưởng tổ chức đánh giá độc lập chất lượng thống kê chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.**Nơi nhận:**

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- UB VHGD TNTNND của Quốc hội;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, TCTK (3 bản).

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Chí Dũng**

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC
ĐẾN NĂM 2030

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BKHĐT ngày tháng năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Văn bản này áp dụng đối với cơ quan thống kê ở trung ương; cơ quan thống kê ở địa phương; tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước (gọi chung là tổ chức thống kê bộ, ngành); tổ chức đánh giá độc lập; chuyên gia tư vấn đánh giá chất lượng thống kê; các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất lượng thống kê nhà nước là sự đáp ứng các yêu cầu của Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2019.

2. Tiêu chí chất lượng thống kê là các yếu tố dùng để đo lường hoặc kiểm tra, giám sát mức độ yêu cầu cần đạt được ở một khía cạnh cụ thể của chất lượng.

3. Nội dung tiêu chí chất lượng thống kê là biểu hiện cụ thể của chất lượng thống kê. Mỗi nội dung tiêu chí chất lượng, gồm mã số, tên nội dung tiêu chí, chất lượng. Ví dụ: Nội dung 1.1 Có quy định về điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê.

4. Mức (mức độ đánh giá của nội dung) là các cấp độ chất lượng từ thấp đến cao của một nội dung tiêu chí cụ thể, tương tự như các bậc thang. Trong Bộ tiêu chí này, mỗi nội dung tiêu chí được chia làm 4 mức độ đánh giá.

5. Đánh giá chất lượng thống kê là việc thu thập, xử lý thông tin, đưa ra những nhận định về mức độ đáp ứng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 của cơ quan thống kê.

6. Tự đánh giá chất lượng thống kê là hình thức đánh giá chất lượng thống kê của cơ quan thống kê do chính cơ quan đó thực hiện để đánh giá một cách toàn diện, có hệ thống và thường xuyên theo công cụ, phương pháp và quy trình đánh giá do cấp có thẩm quyền quy định.

7. Đánh giá độc lập chất lượng thống kê là hình thức đánh giá chất lượng thống kê do một tổ chức hoặc nhóm chuyên gia đánh giá độc lập bên ngoài thực hiện theo công cụ, phương pháp và quy trình đánh giá của cơ quan có thẩm quyền quy định.

8. Đánh giá đột xuất chất lượng thống kê là hình thức đánh giá chất lượng thống kê được thực hiện khi phát sinh vấn đề về chất lượng thống kê hoặc có dấu hiệu vi phạm về chất lượng thống kê.

9. Bằng chứng là các văn bản, hồ sơ, sổ sách, băng, đĩa hình, hiện vật sẵn có phù hợp với nội hàm của nội dung tiêu chí. Bằng chứng được thu thập từ hồ sơ lưu trữ của cơ quan, các cơ quan, đơn vị có liên quan; kết quả khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát các hoạt động thống kê. Bằng chứng phải có nguồn gốc rõ ràng và đảm bảo tính chính xác. Bằng chứng thu được không chỉ sử dụng cho mục đích đánh giá các mức đạt của từng nội dung tiêu chí, mà còn nhằm mô tả hiện trạng các hoạt động thống kê của cơ quan để người đọc hiểu hơn, qua đó làm tăng tính thuyết phục của báo cáo đánh giá.

10. Cơ quan thống kê nhà nước là thuật ngữ gọi chung của cơ quan thống kê ở trung ương, cơ quan thống kê ở địa phương, tổ chức thống kê bộ, ngành.

Điều 3. Mục đích sử dụng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030

1. Cơ quan thống kê nhà nước sử dụng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 để tự đánh giá toàn bộ hoạt động thống kê của cơ quan; nhằm cải tiến, không ngừng nâng cao chất lượng thống kê, thực hiện trách nhiệm giải trình với các bên liên quan về thực trạng chất lượng thống kê và hiệu quả hoạt động thống kê của cơ quan.

2. Tổ chức đánh giá độc lập chất lượng thống kê sử dụng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 để đánh giá chất lượng thống kê của cơ quan được đánh giá độc lập.

3. Tổ chức, cá nhân khác có thể sử dụng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 để nhận định, đánh giá, tham gia phản biện xã hội đối với chất lượng thống kê nhà nước mà tổ chức, cá nhân quan tâm.

Chương II

NỘI DUNG BỘ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC ĐẾN NĂM 2030

Mục 1

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU PHỐI, PHỐI HỢP VÀ CÁC TIÊU CHUẨN THỐNG KÊ

Điều 4. Tiêu chí 1: Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê

1. Nội dung 1.1: Có quy định về điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê.

2. Nội dung 1.2: Thực hiện việc đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê.

Điều 5. Tiêu chí 2: Quản lý mối quan hệ với các bên liên quan

1. Nội dung 2.1: Có danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê

2. Nội dung 2.2: Có tài liệu hướng dẫn về việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê

3. Nội dung 2.3: Có văn bản thỏa thuận với các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê

4. Nội dung 2.4: Có văn bản thỏa thuận với các cơ quan báo chí về hợp tác phổ biến thông tin thống kê

Điều 6. Tiêu chí 3: Quản lý các tiêu chuẩn thống kê

1. Nội dung 3.1: Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê

2. Nội dung 3.2: Thực hiện việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn thống kê

3. Nội dung 3.3: Có các tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực

4. Nội dung 3.4: Phổ biến các tiêu chuẩn thống kê và những thay đổi về tiêu chuẩn thống kê (nếu có)

5. Nội dung 3.5: Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn để cung cấp (nếu có yêu cầu)

6. Nội dung 3.6: Lưu trữ thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất

7. Nội dung 3.7: Công bố, phổ biến các sản phẩm thống kê có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan

Mục 2

QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG THỂ CHẾ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ

Điều 7. Tiêu chí 4: Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê

1. Nội dung 4.1: Tổ chức thống kê được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền

2. Nội dung 4.2: Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền

3. Nội dung 4.3: Công khai kế hoạch và báo cáo thực hiện các hoạt động thống kê

4. Nội dung 4.4: Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê

Điều 8. Tiêu chí 5: Bảo đảm tính khách quan và tính công bằng

1. Nội dung 5.1: Có quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê

2. Nội dung 5.2: Có quy trình thực hiện việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan

3. Nội dung 5.3: Ban hành và thực hiện lịch phổ biến thông tin thống kê

4. Nội dung 5.4: Có quy chế phổ biến thông tin thống kê

5. Nội dung 5.5: Có quy định về việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố

Điều 9. Tiêu chí 6: Bảo đảm tính minh bạch

1. Nội dung 6.1: Công khai danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố

2. Nội dung 6.2: Có quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ

3. Nội dung 6.3: Có quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết quy trình bảo mật đã được thực hiện làm ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin thống kê

4. Nội dung 6.4: Có quy định về việc thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn

Điều 10. Tiêu chí 7: Bảo đảm tính bảo mật và an ninh thông tin thống kê

1. Nội dung 7.1: Có tài liệu hướng dẫn thực hiện việc bảo mật và an ninh thông tin thống kê

2. Nội dung 7.2: Có quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin

3. Nội dung 7.3: Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê

4. Nội dung 7.4: Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê

Điều 11. Tiêu chí 8: Bảo đảm cam kết chất lượng thống kê

1. Nội dung 8.1: Tuyên bố cam kết bảo đảm chất lượng thống kê

2. Nội dung 8.2: Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê

3. Nội dung 8.3: Có sổ tay hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê

4. Nội dung 8.4: Công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê

5. Nội dung 8.5: Có kế hoạch bảo đảm chất lượng cho từng chương trình thống kê trước khi thực hiện

6. Nội dung 8.6: Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê

7. Nội dung 8.7: Thực hiện việc đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê

8. Nội dung 8.8: Có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê

Điều 12. Tiêu chuẩn 9: Bảo đảm đầy đủ các nguồn lực cho hoạt động thống kê

1. Nội dung 9.1: Bảo đảm nhân lực cho hoạt động thống kê

2. Nội dung 9.2: Bảo đảm kinh phí cho hoạt động thống kê

3. Nội dung 9.3: Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin và các nguồn lực khác cho hoạt động thống kê

Mục 3

QUẢN LÝ CÁC QUY TRÌNH THỐNG KÊ

Điều 13. Tiêu chí 10: Bảo đảm tính đúng đắn của phương pháp luận thống kê

1. Nội dung 10.1: Các phương pháp luận thống kê đang sử dụng đều phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực
2. Nội dung 10.2: Quy định việc áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê
3. Nội dung 10.3: Hợp tác với các chuyên gia, nhà khoa học nhằm cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê
4. Nội dung 10.4: Thực hiện việc đánh giá sự phù hợp của các hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê
5. Nội dung 10.5: Quy định việc sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu
6. Nội dung 10.6: Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê

Điều 14. Tiêu chí 11: Bảo đảm sự phù hợp giữa hiệu quả và chi phí

1. Nội dung 11.1: Thực hiện các biện pháp giám sát việc sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê
2. Nội dung 11.2: Thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê
3. Nội dung 11.3: Rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới
4. Nội dung 11.4: Tham gia một cách chủ động với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính để cải thiện tiềm năng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê
5. Nội dung 11.5: Ứng dụng tối đa công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu thống kê

Điều 15. Tiêu chí 12. Bảo đảm tính đúng đắn của việc thực hiện các chương trình thống kê

1. Nội dung 12.1: Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng trong từng bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê
2. Nội dung 12.2: Có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình thống kê
3. Nội dung 12.3: Thực hiện việc đánh giá tính hiệu quả của chương trình thống kê

Điều 16. Tiêu chí 13: Quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin

1. Nội dung 13.1: Có tài liệu hướng dẫn về quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin
2. Nội dung 13.2: Áp dụng các hình thức, phương pháp thu thập thông tin khác nhau; và các tiêu chuẩn thống kê để giảm gánh nặng trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin
3. Nội dung 13.3: Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin
4. Nội dung 13.4: Thực hiện việc đánh giá phiếu điều tra, mẫu biểu báo thống kê để xác định các hạn chế của chúng

Mục 4

QUẢN LÝ CÁC KẾT QUẢ ĐẦU RA

Điều 17. Tiêu chí 14: Bảo đảm tính phù hợp

1. Nội dung 14.1: Có cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê
2. Nội dung 14.2: Tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê
3. Nội dung 14.3: Xác định và phản ánh nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin thống kê vào chiến lược, kế hoạch công tác của cơ quan
4. Nội dung 14.4: Xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê
5. Nội dung 14.5: Xác định tỷ lệ đầy đủ của số liệu thống kê

Điều 18. Tiêu chí 15: Bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy

1. Nội dung 15.1: Thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê
2. Nội dung 15.2: Thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu
3. Nội dung 15.3: Thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu
4. Nội dung 15.4: Xác định tỷ lệ vượt quá phạm vi
5. Nội dung 15.5: Xác định tỷ lệ đơn vị không trả lời
6. Nội dung 15.6: Xác định tỷ lệ khoản mục không trả lời
7. Nội dung 15.7: Xác định quy mô trung bình điều chỉnh số liệu thống kê
8. Nội dung 15.8: Xác định tỷ lệ gán số liệu còn thiếu

Điều 19. Tiêu chí 16: Bảo đảm tính kịp thời và tính đúng hạn

1. Nội dung 16.1: Xác định thời gian trễ của kết quả đầu ra thống kê được công bố lần đầu
2. Nội dung 16.2: Xác định thời gian trễ của kết quả đầu ra thống kê được công bố cuối cùng
3. Nội dung 16.3: Xác định tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê
4. Nội dung 16.4: Xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê

Điều 20. Tiêu chí 17: Bảo đảm tính dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu

1. Nội dung 17.1: Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ người sử dụng thông tin thống kê
2. Nội dung 17.2: Có quy định việc trình bày và lưu trữ số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, các xuất bản phẩm thống kê để bảo đảm dễ tiếp cận, rõ ràng, dễ hiểu
3. Nội dung 17.3: Có danh mục các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê
4. Nội dung 17.4: Ứng dụng tối đa công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động phổ biến, lưu trữ thông tin thống kê
5. Nội dung 17.5: Có quy định việc truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê vi mô

6. Nội dung 17.6: Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn

Điều 21. Bảo đảm tính chặt chẽ và tính so sánh

1. Nội dung 18.1: Thực hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê

2. Nội dung 18.2: Có cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn thống kê dùng chung

3. Nội dung 18.3: Biên soạn số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau đều dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị và phân loại thống kê

4. Nội dung 18.4: Xác định độ dài của dãy số thời gian có tính so sánh

5. Nội dung 18.5: Có giải thích về các trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian

Điều 22. Quản lý dữ liệu đặc tả thống kê

1. Nội dung 19.1: Có tài liệu hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê

2. Nội dung 19.2: Công bố và phổ biến số liệu thống kê kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng, hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả thống kê

3. Nội dung 19.3: Có cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê dùng chung

4. Nội dung 19.4: Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về dữ liệu đặc tả thống kê

5. Nội dung 19.5: Xác định tỷ lệ đầy đủ của dữ liệu đặc tả thống kê.

Chương III

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ

Mục 1

NGUYÊN TẮC, LOẠI HÌNH, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, TÍNH ĐIỂM

Điều 23. Nguyên tắc đánh giá

1. Đánh giá toàn diện công tác thống kê thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

2. Đảm bảo khách quan, trung thực.

3. Đảm bảo cải tiến chất lượng liên tục.

Điều 24. Loại hình và chu kỳ đánh giá

1. Tự đánh giá chất lượng thống kê được thực hiện theo chu kỳ hàng năm.

2. Đánh giá độc lập chất lượng thống kê được thực hiện theo chu kỳ 5 năm một lần.

3. Đánh giá đột xuất chất lượng thống kê được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về thống kê.

Điều 25. Cách đánh giá, tính điểm và xếp loại chất lượng

1. Các nội dung tiêu chí của Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 quy định tại Chương II của văn bản này được đánh giá theo thang đánh giá 4 mức như sau:

a) Mức 1. Không đáp ứng yêu cầu của nội dung tiêu chí: Không thực hiện bất kỳ hoạt động bảo đảm chất lượng nào để đáp ứng yêu cầu của nội dung tiêu chí; cần thực hiện cải tiến chất lượng ngay.

b) Mức 2. Đáp ứng được một phần nhỏ yêu cầu của nội dung tiêu chí: Đã có một số hoạt động bảo đảm chất lượng ban đầu để đáp ứng yêu cầu của nội dung tiêu chí nhưng hiệu quả còn kém; cần có thêm nhiều cải tiến chất lượng mới đáp ứng được yêu cầu của nội dung tiêu chí.

c) Mức 3. Đáp ứng được phần lớn yêu cầu của nội dung tiêu chí: Công tác bảo đảm chất lượng đã được thực hiện khá bài bản, nhưng cần có thêm một số cải tiến mới đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nội dung tiêu chí.

d) Mức 4 (Mức chuẩn). Đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nội dung tiêu chí: Công tác bảo đảm chất lượng đã được thực hiện bài bản, việc thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng đem lại kết quả như mong đợi, nếu có thêm các cải tiến nữa sẽ đáp ứng cao hơn yêu cầu của nội dung tiêu chí.

2. Trường hợp nội dung tiêu chí đáp ứng cao hơn yêu cầu của nội dung tiêu chí (Vượt chuẩn): Công tác đảm bảo chất lượng được thực hiện bài bản, hiệu quả và mang lại kết quả cao hơn mong đợi.

3. Cách tính điểm

a) Điểm số của mỗi nội dung tiêu chí được xác định là mức chất lượng mà nội dung tiêu chí đó đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nội dung tiêu chí vượt chuẩn, nội dung tiêu chí đó được thưởng thêm 1 điểm so với mức chuẩn.

b) Điểm chuẩn của mỗi nội dung tiêu chí là 4 điểm. Tổng số điểm chuẩn của Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 là 368 điểm, chi tiết quy định ở Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Số nội dung tiêu chí và số điểm chuẩn

TT	Tên tiêu chí	Số nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn
I	Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp; quản lý các tiêu chuẩn thống kê	13	52
1	Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê	2	8
2	Quản lý mối quan hệ với các bên liên quan	4	16
3	Quản lý các tiêu chuẩn thống kê	7	28
II	Quản lý môi trường thể chế cho hoạt động thống kê	28	112
1	Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê	4	16
2	Bảo đảm tính khách quan và tính công bằng	5	20
3	Bảo đảm tính minh bạch	4	16
4	Bảo đảm tính bảo mật và an ninh thông tin thống kê	4	16
5	Bảo đảm cam kết chất lượng thống kê	8	32
6	Bảo đảm đầy đủ các nguồn lực cho hoạt động thống kê	3	12

TT	Tên tiêu chí	Số nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn
III	Quản lý các quy trình thống kê	18	72
1	Bảo đảm tính đúng đắn của phương pháp luận thống kê	6	24
2	Bảo đảm sự phù hợp giữa hiệu quả và chi phí	5	20
3	Bảo đảm tính đúng đắn của việc thực hiện các chương trình thống kê	3	12
4	Quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	4	16
IV	Quản lý các kết quả đầu ra thống kê	33	132
1	Bảo đảm tính phù hợp	5	20
2	Bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy	8	32
3	Bảo đảm tính kịp thời và tính đúng hạn	4	16
4	Bảo đảm tính dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu	6	24
5	Bảo đảm tính chặt chẽ và tính so sánh	5	20
6	Quản lý dữ liệu đặc tả thống kê	5	20
	Tổng số	92	368

c. Tỷ lệ phần trăm điểm đánh giá được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ \% điểm đánh giá (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)} = \frac{(\text{Tổng điểm đánh giá} + \text{điểm thưởng vượt chuẩn}) \times 100}{\text{Số điểm chuẩn tối đa}}$$

4. Xếp loại chất lượng: Chất lượng thống kê của cơ quan được xếp theo một trong 06 loại quy định tại Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2: Xếp loại chất lượng

TT	Loại chất lượng	Tỷ lệ % điểm đánh giá
1	Rất kém	Dưới 30
2	Kém	Từ 30 đến dưới 50
3	Trung bình	Từ 50 đến dưới 70
4	Khá	Từ 70 đến dưới 90
5	Tốt	Từ 90 đến 100
6	Rất tốt	Trên 100

Mục 2

TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ

Điều 26. Trách nhiệm thực hiện tự đánh giá

1. Thủ trưởng cơ quan thống kê có trách nhiệm thực hiện việc tự đánh giá chất lượng thống kê hàng năm của cơ quan mình, trừ năm được đánh giá độc lập chất lượng thống kê.
2. Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng thống kê được gửi Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên và gửi Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

Điều 27. Các bước tự đánh giá

1. Thành lập nhóm tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý, phân tích thông tin, bằng chứng.
4. Thực hiện đánh giá
5. Biên soạn báo cáo tự đánh giá.
5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.
6. Triển khai hoạt động cải thiện chất lượng sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Điều 28. Thành lập nhóm tự đánh giá

1. Nhóm tự đánh giá có ít nhất là 03 thành viên do thủ trưởng cơ quan thành lập theo Mẫu 01/CL-QĐ quy định tại Phụ lục của văn bản này.
2. Trưởng nhóm là người đứng đầu cơ quan. Thư ký giúp việc của nhóm là công chức chuyên trách về bảo đảm chất lượng thống kê của cơ quan.
3. Nhóm tự đánh giá có chức năng giúp Thủ trưởng cơ quan triển khai tự đánh giá chất lượng thống kê của cơ quan. Nhóm tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận đề thống nhất.
4. Nhóm tự đánh giá có thể đề nghị Thủ trưởng cơ quan thuê chuyên gia tư vấn giúp Nhóm triển khai tự đánh giá. Chuyên gia tư vấn phải có chứng chỉ “đánh giá viên” về chất lượng thống kê do cơ quan có thẩm quyền cấp, có kinh nghiệm về đánh giá chất lượng thống kê.

Điều 29. Lập kế hoạch tự đánh giá

1. Nhóm tự đánh giá xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng thống kê hàng năm.
2. Kế hoạch tự đánh giá được lập theo Mẫu 02/CL-KH quy định tại Phụ lục của văn bản này.

Điều 30. Thu thập, xử lý thông tin, bằng chứng

1. Căn cứ vào các nội dung tiêu chí của Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030, Trưởng nhóm phân công cụ thể cho từng thành viên chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, xử lý thông tin và bằng chứng trước khi tiến hành viết báo cáo tự đánh giá. Thu thập thông tin, bằng chứng theo Mẫu 03/CL-TTBC quy định tại Phụ lục của văn bản này.
2. Trong quá trình thu thập thông tin và bằng chứng, phải chỉ rõ nguồn gốc của chúng. Có biện pháp bảo vệ, lưu trữ các thông tin, bằng chứng, kể cả các tư liệu liên quan đến nguồn

gốc của các thông tin và bằng chứng thu được. Khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin để triển khai hoạt động tự đánh giá, số hóa các bằng chứng, tạo thuận tiện cho việc cập nhật, lưu trữ và đối chiếu thông tin.

Điều 31. Thực hiện tự đánh giá

1. Công cụ đánh giá chất lượng thống kê là “Bảng tự đánh giá chất lượng thống kê nhà nước” quy định tại Mẫu 04/CL-BĐG tại Phụ lục của văn bản này.

2. Thực hiện tự đánh giá

a) Xác định rõ nội dung tiêu chí và mô tả các mức chất lượng của nội dung tiêu chí phù hợp nhất ở mức nào, xác định mã số tương ứng với mức đạt được của nội dung tiêu chí bằng cách khoanh tròn vào mã số đó.

b) Ghi các bằng chứng cụ thể tương ứng với mã số đã xác định.

c) Tổng hợp kết quả tự đánh giá theo Mẫu 5a/CL-TH; 5b/CL-TH quy định tại Phụ lục của văn bản này.

Điều 32. Viết báo cáo tự đánh giá

1. Báo cáo tự đánh giá được trình bày một cách cô đọng, rõ ràng, đảm bảo tính trung thực, khách quan. Đề cương báo cáo tự đánh giá theo Mẫu 06/CL-BCTĐG quy định tại Phụ lục của văn bản này.

2. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được công bố trong nội bộ cơ quan để các công chức, viên chức và người lao động có thể đọc và đóng góp ý kiến trong thời gian ít nhất là 15 ngày làm việc.

3. Báo cáo tự đánh giá được Nhóm tự đánh giá hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến góp ý của các công chức, viên chức và người lao động.

Điều 33. Phê duyệt, công bố, lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá

1. Thủ trưởng cơ quan phê duyệt báo cáo tự đánh giá.

2. Cơ quan gửi Báo cáo tự đánh giá cho Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

3. Cơ quan phổ biến báo cáo tự đánh giá trên trang thông tin điện tử của cơ quan. Nếu chưa có trang thông tin điện tử, bản sao báo cáo tự đánh giá được phổ biến trên bảng tin của cơ quan để cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan tâm tham khảo.

4. Cơ quan thực hiện tự liệu hóa và lưu trữ báo cáo tự đánh giá đã được phê duyệt cùng toàn bộ hồ sơ liên quan trong quá trình thực hiện tự đánh giá.

5. Sử dụng báo cáo tự đánh giá

a) Cơ quan tự đánh giá sử dụng báo cáo tự đánh giá làm căn cứ xây dựng kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng thuộc phạm vi của cơ quan.

b) Tổ chức đánh giá độc lập chất lượng thống kê sử dụng báo cáo tự đánh giá của cơ quan làm căn cứ đánh giá độc lập chất lượng thống kê của cơ quan.

c) Tổng cục Thống kê sử dụng báo cáo tự đánh giá của cơ quan để biên soạn báo cáo chất lượng thống kê quốc gia.

Mục 3

ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ

Điều 34. Chu kỳ và tổ chức đánh giá độc lập

1. Đánh giá độc lập được thực hiện theo chu kỳ 05 năm một lần đối với mỗi cơ quan thống kê theo kế hoạch đánh giá độc lập chất lượng thống kê của Tổng cục Thống kê.

2. Tổng cục Thống kê có trách nhiệm:

a) Lập kế hoạch đánh giá độc lập chất lượng thống kê hàng năm.

b) Thông báo kế hoạch đánh giá độc lập chất lượng thống kê tới cơ quan được đánh giá trước 60 ngày so với thời điểm bắt đầu tiến hành đánh giá độc lập.

b) Xác định tổ chức đánh giá độc lập chất lượng thống kê theo nguyên tắc không tăng đầu mỗi bên trong hệ thống của Tổng cục Thống kê.

c) Theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch đánh giá độc lập.

d) Biên soạn và công bố báo cáo chất lượng thống kê quốc gia.

3. Tổ chức đánh giá độc lập phải bảo đảm đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê giao chức năng, nhiệm vụ đánh giá độc lập chất lượng thống kê.

b) Không thuộc đối tượng thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030.

c) Có ít nhất 10 công chức, viên chức được đào tạo chuyên ngành thống kê hoặc chuyên ngành quản lý chất lượng có chứng chỉ đánh giá viên về chất lượng thống kê do cơ quan có thẩm quyền cấp.

d) Có cơ sở vật chất, thiết bị, đáp ứng yêu cầu hoạt động của tổ chức đánh giá độc lập chất lượng thống kê.

e) Có trang thông tin điện tử, trong đó có cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động đánh giá độc lập chất lượng thống kê.

4. Thành lập đoàn đánh giá độc lập

a) Tổ chức đánh giá độc lập đề xuất, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quyết định thành lập Đoàn đánh giá độc lập.

b) Đoàn đánh giá độc lập có ít nhất 07 thành viên, gồm: Trưởng đoàn, Thư ký và các thành viên khác, trong đó có ít nhất 30% số thành viên là chuyên gia độc lập không thuộc biên chế của Tổng cục Thống kê, 01 thành viên thuộc cơ quan được đánh giá độc lập.

c) Tiêu chuẩn của thành viên đoàn đánh giá độc lập

- Thành viên đoàn đánh giá độc lập phải có chứng chỉ đánh giá viên về chất lượng thống kê do cơ quan có thẩm quyền cấp; có tư cách, đạo đức tốt, trung thực và khách quan; có đủ sức khỏe đảm bảo thực hiện được các nhiệm vụ được phân công.

- Trưởng đoàn là người đã hoặc đang là lãnh đạo cấp Vụ và tương đương trở lên của Tổng cục Thống kê, có trình độ từ thạc sỹ trở lên, có thâm niên công tác trong ngành Thống kê từ 10 năm trở lên, có kinh nghiệm triển khai các hoạt động đánh giá chất lượng thống kê. Trưởng đoàn chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động của đoàn đánh giá độc lập.

- Thư ký là người am hiểu về đánh giá chất lượng thống kê, có kiến thức và kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực thống kê; có trách nhiệm giúp Trưởng đoàn chuẩn bị và triển khai các hoạt động của đoàn đánh giá độc lập.

- Các thành viên còn lại am hiểu về đánh giá chất lượng thống kê, có thâm niên công tác trong ngành Thống kê từ 05 năm trở lên hoặc là nhà nghiên cứu, chuyên gia phân tích kinh tế; có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của đoàn đánh giá độc lập do Trưởng đoàn phân công.

- Các thành viên đoàn đánh giá độc lập không được tự ý cung cấp các thông tin liên quan đến nội dung công việc và kết quả đánh giá của đoàn đánh giá độc lập khi chưa được phép của tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng thống kê hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 35. Các bước đánh giá độc lập

1. Xây dựng và phổ biến kế hoạch công tác của đoàn đánh giá độc lập.

a) Đoàn đánh giá độc lập xây dựng kế hoạch công tác của đoàn và được Thủ trưởng tổ chức đánh giá độc lập phê duyệt.

b) Kế hoạch công tác của đoàn đánh giá độc lập phải được phổ biến trên trang thông tin điện tử của tổ chức đánh giá độc lập, đồng thời gửi đến cơ quan được đánh giá độc lập trước 20 ngày so với thời điểm bắt đầu tiến hành đánh giá độc lập.

2. Nghiên cứu hồ sơ, thu thập thông tin, bằng chứng phục vụ đánh giá.

a) Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và các tài liệu liên quan của cơ quan được đánh giá.

b) Thu thập, xử lý thông tin, bằng chứng phục vụ đánh giá theo Mẫu 03/CL-TTBC quy định tại Phụ lục của văn bản này.

3. Khảo sát sơ bộ tại cơ quan được đánh giá.

4. Thực hiện đánh giá chính thức tại cơ quan được đánh giá.

5. Dự thảo báo cáo đánh giá độc lập

a) Báo cáo đánh giá độc lập được biên soạn theo Mẫu 06/CL-BCĐGDL quy định tại Phụ lục của văn bản này.

b) Dự thảo báo cáo đánh giá độc lập phải được ít nhất là 2/3 số thành viên của đoàn đánh giá độc lập nhất trí thông qua;

b) Gửi dự thảo báo cáo đánh giá độc lập cho cơ quan được đánh giá để tham khảo ý kiến trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ quan được đánh giá nhận được dự thảo báo cáo.

6. Hoàn thiện báo cáo đánh giá độc lập

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của cơ quan được đánh giá, đoàn đánh giá độc lập hoàn thiện dự thảo báo cáo; gửi thông báo cho cơ quan được đánh giá biết những ý kiến đã tiếp thu hoặc bảo lưu. Trường hợp bảo lưu phải nêu rõ lý do.

b) Đoàn đánh giá độc lập trình Thủ trưởng tổ chức đánh giá độc lập xem xét, ký duyệt báo cáo; gửi Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

Điều 36. Trách nhiệm của cơ quan được đánh giá độc lập

1. Phân công một lãnh đạo cơ quan và một công chức, viên chức chuyên trách làm đầu mối làm việc với đoàn đánh giá.
2. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, dữ liệu liên quan và các điều kiện cần thiết phục vụ công tác đánh giá độc lập.
3. Làm việc với đoàn đánh giá theo yêu cầu của đoàn.
4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo đánh giá độc lập, cơ quan được đánh giá có ý kiến phản hồi bằng văn bản, gửi tổ chức đánh giá độc lập nêu rõ các ý kiến nhất trí hoặc không nhất trí với bản dự thảo báo cáo đánh giá độc lập. Trường hợp không nhất trí nội dung nào phải nêu rõ lý do kèm theo các bằng chứng.

Điều 37. Sử dụng báo cáo đánh giá độc lập

1. Cơ quan được đánh giá độc lập sử dụng báo cáo làm căn cứ xây dựng chương trình hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng thống kê của cơ quan.
2. Tổng cục Thống kê sử dụng báo cáo đánh giá độc lập để biên soạn báo cáo chất lượng thống kê quốc gia, gửi Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
3. Tổ chức đánh giá độc lập lưu trữ, phổ biến báo cáo đánh giá độc lập trên trang thông tin điện tử.

Điều 38. Đánh giá đột xuất chất lượng thống kê

1. Đánh giá đột xuất chất lượng thống kê được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan
2. Tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất chất lượng thống kê được thực hiện như tổ chức đánh giá độc lập chất lượng thống kê quy định tại khoản 2 Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 của Mục 3.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Tổng cục Thống kê

1. Hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ để các cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước thực hiện tốt văn bản này.
2. Xây dựng chương trình tài liệu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý chất lượng thống kê nhà nước, gồm:
 - a) Chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý chất lượng thống kê.
 - b) Chương trình, tài liệu đào tạo bồi dưỡng kỹ năng đánh giá chất lượng thống kê.
3. Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý chất lượng thống kê nhà nước, gồm:
 - a) Các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý chất lượng thống kê cho các công chức, viên chức làm công tác thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước.
 - b) Các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng đánh giá chất lượng thống kê cho công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ đánh giá chất lượng thống kê thuộc hệ thống thống kê nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện đánh giá độc lập chất lượng thống kê theo hướng dẫn quy định tại văn bản này.

Điều 40. Cơ quan quản lý trực tiếp của cơ quan thống kê

Cơ quan quản lý trực tiếp của cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước bố trí đầy đủ các điều kiện để cơ quan thống kê triển khai thực hiện theo hướng dẫn quy định tại văn bản này.

Điều 41. Cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước

Cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước căn cứ hướng dẫn quy định tại văn bản này thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê của cơ quan./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục KTKĐCLGD.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

CÁC PHỤ LỤC

Mẫu 01/CL-QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC THỐNG KÊ

Số: /QĐ-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 202....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Nhóm tự đánh giá chất lượng thống kê

THỦ TRƯỞNG.....

Căn cứ;

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BKHĐT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Tài liệu hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030;

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Nhóm tự đánh giá chất lượng thống kê của (tên cơ quan/tổ chức thống kê, gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Nhóm tự đánh giá chất lượng thống kê có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng thống kê của.....

Điều 3. Các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cơ quan chủ quản (để báo cáo);
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN NHÓM TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ

CƠ QUAN.....

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ngày... tháng... năm...của)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Vị trí
1.			Trưởng nhóm
2.			Thành viên
3.			...
...			Thư ký

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC THỐNG KÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /KH-...

....., ngày tháng năm 20....

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá chất lượng thống kê năm 202....

1. Mục đích tự đánh giá

(Nêu rõ các mục đích cụ thể mà cơ quan/ tổ chức thống kê cần đạt được khi thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê trong kỳ này)

2. Phạm vi tự đánh giá

(Nêu rõ các hoạt động nào của cơ quan, diễn ra trong khoảng thời gian nào được tự đánh giá trong kỳ này)

3. Công cụ tự đánh giá

.....

4. Nhóm tự đánh giá

Nhóm tự đánh giá chất lượng thống kê của cơ quan/tổ chức thống kê gồm có ... thành viên, được thành lập theo Quyết định số...../QĐ-ngày ... tháng năm của

Bảng phân công nhiệm vụ cho thành viên Nhóm đánh giá

TT	Tên thành viên	Nhiệm vụ được phân công	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
1	Nguyễn Văn A (Trưởng nhóm)			
2	Nguyễn Văn B (Thành viên)			
...				
...	Nguyễn Văn C (Thư ký)			

5. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để hỗ trợ Nhóm tự đánh giá(nếu có)

(Xác định các lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia, kinh phí thuê chuyên gia...)

6. Thời gian và nội dung hoạt động

(Nêu rõ các hoạt động cụ thể và thời gian dự kiến để thực hiện các hoạt động đó)

Tuỳ theo từng điều kiện cụ thể, mỗi cơ quan/ tổ chức thống kê tự xác định thời gian thực hiện phù hợp để hoàn thành hoạt động tự đánh giá phù hợp với các quy định hiện hành. Dưới đây là ví dụ minh họa về thời gian và nội dung hoạt động triển khai thực hiện hoạt động tự đánh giá để các cơ quan/ tổ chức thống kê tham khảo:

TT	Các hoạt động
Từ ngày...đến ngày...(10 ngày)	
1	Họp Lãnh đạo cơ quan/tổ chức thống kê để thảo luận dự kiến các thành viên Nhóm TĐG
2	Thủ trưởng cơ quan/tổ chức thống kê ra quyết định thành lập Nhóm TĐG
3	Họp Nhóm TĐG để:
-	Công bố quyết định thành lập Nhóm TĐG;
-	Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Nhóm TĐG
-	Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để hỗ trợ Nhóm TĐG triển khai hoạt động TĐG (nếu có);
	Dự thảo Kế hoạch TĐG.
4	Thủ trưởng cơ quan/tổ chức thống kê thông qua Kế hoạch TĐG
5	Phổ biến Kế hoạch TĐG đến toàn thể CCVC, người lao động của cơ quan/tổ chức thống kê và các bên liên quan.
Từ ngày...đến ngày...(30 ngày)	
1	Các thành viên Nhóm TĐG tiến hành thu thập, xử lý thông tin, bằng chứng và tư liệu hóa đầy đủ quá trình này theo phân công nhiệm vụ trên cơ sở Bảng tự đánh giá chất lượng thống kê nhà nước
Từ ngày...đến ngày...(20 ngày)	
1	Tổ chức các cuộc họp thảo luận Nhóm TĐG để phân tích, thống nhất về các thông tin, bằng chứng đã được thu thập
2	Tiến hành thu thập các thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết
3	Hoàn thiện Bảng tự đánh giá chất lượng thống kê nhà nước
Từ ngày...đến ngày...(30 ngày)	
1	Dự thảo Báo cáo tự đánh giá chất lượng thống kê
2	Công bố Dự thảo Báo cáo tự đánh giá trong nội bộ cơ quan để các công chức, viên chức và người lao động đọc và đóng góp ý kiến trong thời gian ít nhất là 15 ngày làm việc.
3	Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá
Từ ngày...đến ngày...(15 ngày)	
1	Phê duyệt Báo cáo tự đánh giá
2	Gửi Báo cáo tự đánh giá cho Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.
3	Phổ biến báo cáo tự đánh giá trên trang thông tin điện tử của cơ quan
4	Thực hiện tư liệu hóa và lưu trữ báo cáo tự đánh giá đã được phê duyệt cùng toàn bộ hồ sơ liên quan trong quá trình thực hiện tự đánh giá.
5	Xây dựng kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng thống kê

Nơi nhận:

- Nhóm tự đánh giá;
- Cơ quan chủ quản (để b/c);
-;
- Lưu

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phiếu thu thập bằng chứng phục vụ tự đánh giá chất lượng thống kê
(Năm 202..)

Tiêu chí 1. Quản lý hoạt động phối hợp, điều phối; quản lý các tiêu chuẩn thống kê

Mã số	Tên nội dung tiêu chí	Thông tin, bằng chứng	Mã	Hình thức	Nguồn tham chiếu	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
1.1	Có quy định về điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê		1.1.1			
			1.1.2			
			1.1.3			
1.2	Thực hiện việc đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê		1.2.1			
			1.2.2			
			1.2.3			

Tiêu chí 2. Quản lý mối liên hệ với các bên liên quan

2.1	Có danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê		2.1.1			
			2.1.2			
			2.1.3			
2.2						

Cột A, Cột B: Ghi đúng mã số, tên nội dung tiêu chí chất lượng quy định tại Chương II của văn bản này;
Cột D: Các chữ số đầu là mã nội dung tiêu chí; chữ số cuối cùng là mã bằng chứng;
Cột E: Bản điện tử ghi số 1; bản giấy ghi số 2; hình thức khác ghi số 3;
Cột F: Ghi đường dẫn, hoặc nơi lưu trữ thông tin, bằng chứng.

Người thu thập

(Ghi rõ họ, tên và chữ ký)

Trưởng nhóm

(Ghi rõ họ, tên và chữ ký)

Bảng tự đánh giá chất lượng thống kê

- Tên Cơ quan:.....; Tên Đơn vị chủ trì thực hiện tự đánh giá

- Họ và tên người chủ trì thực hiện tự đánh giá:.....; Chức vụ.....; Điện thoại:.....

A. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU PHỐI, PHỐI HỢP VÀ QUẢN LÝ CÁC TIÊU CHUẨN THỐNG KÊ

Tiêu chí 1. Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê

Mã số	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí	Mức	Mã số bằng chứng	Ghi chú
1.1	Có quy định về điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê	Chưa có bất kỳ văn bản nào về hoạt động phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê của cơ quan	1		
		Có văn bản về hoạt động phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê của cơ quan, nhưng chưa phải là quyết định ban hành quy chế	2		
		Có quyết định ban hành quy chế phối hợp trong nội bộ cơ quan hoặc quy chế phối hợp với một số các cơ quan liên quan đến việc thực hiện các hoạt động thống kê	3		
		Có quyết định ban hành quy chế phối hợp trong nội bộ cơ quan và quy chế phối hợp với tất cả các cơ quan liên quan đến việc thực hiện các hoạt động thống kê	4		
		Có quyết định ban hành quy chế phối hợp trong nội bộ cơ quan và quy chế phối hợp với tất cả các cơ quan liên quan đến việc thực hiện các hoạt động thống kê; Quy chế được rà soát, cải tiến, đổi mới thường xuyên	5		
1.2	Thực hiện việc đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê	Không có bất kỳ báo cáo nào đề cập đến việc đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê theo định kỳ hàng năm	1		
		Có báo cáo đề cập đến việc đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê theo định kỳ hàng năm	2		
		Có báo cáo riêng về đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp trong nội bộ hoặc với bên ngoài theo định kỳ hàng năm	3		
		Có báo cáo riêng về đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp trong nội bộ và với bên ngoài theo định kỳ hàng năm	4		
		Có báo cáo riêng về đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp trong nội bộ và bên ngoài theo định kỳ hàng năm; Tổ chức hội nghị giữa các bên để cải tiến, đổi mới hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê	5		

Tiêu chí 2. Quản lý mối quan hệ với các bên liên quan

Mã số	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào MỨC phù hợp nhất)	Mức	Mã số bằng chứng	Ghi chú
2.1	Có danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	Không có bất kỳ danh sách nào về cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	1		
		Có danh sách về cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hoặc sử dụng thông tin thống kê	2		
		Có danh sách về cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê nhưng không được rà soát và cập nhật hàng năm	3		
		Có danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê được rà soát và cập nhật hàng năm	4		
		Có cơ sở dữ liệu về cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	5		
2.2	Có tài liệu hướng dẫn về việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	Không có bất kỳ tài liệu nào đề cập đến hướng dẫn việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	1		
		Có tài liệu đề cập đến hướng dẫn việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hoặc sử dụng thông tin thống kê (không phải sổ tay hướng dẫn)	2		
		Có sổ tay hướng dẫn về việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hoặc sử dụng thông tin thống kê	3		
		Có sổ tay hướng dẫn về việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	4		
		Sổ tay hướng dẫn dạng điện tử về việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	5		
2.3	Có văn bản thỏa thuận với các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê	Không có bất kỳ văn bản thỏa thuận nào được ký kết với các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê của cơ quan	1		
		Có văn bản thỏa thuận được ký kết với dưới 40% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê của cơ quan	2		
		Có văn bản thỏa thuận được ký kết với từ 40% đến dưới 70% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê của cơ quan	3		
		Có văn bản thỏa thuận được ký kết với từ 70% đến 100% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê của cơ quan	4		

Mã số	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào MỨC phù hợp nhất)	Mức	Mã số bằng chứng	Ghi chú
		Có văn bản thỏa thuận được ký kết với từ 70% đến 100% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê của cơ quan; Văn bản thỏa thuận được cải tiến, đổi mới thường xuyên	5		
2.4	Có văn bản thỏa thuận với các cơ quan báo chí về hợp tác phổ biến thông tin thống kê	Không có bất kỳ văn bản thỏa thuận nào với các cơ quan báo chí về hợp tác phổ biến thông tin thống kê	1		
		Có văn bản thỏa thuận với một trong 4 loại hình báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử) về hợp tác phổ biến thông tin thống kê	2		
		Có văn bản thỏa thuận với 2 trong 4 loại hình báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử) về hợp tác phổ biến thông tin thống kê	3		
		Có văn bản thỏa thuận với đủ 4 loại hình báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử) về hợp tác phổ biến thông tin thống kê	4		
		Có văn bản thỏa thuận với đủ 4 loại hình báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử) về hợp tác phổ biến thông tin thống kê; Tổ chức hội thảo, hội nghị về hợp tác phổ biến thông tin thống kê với các cơ quan báo chí	5		

Tiêu chí 3. Quản lý các tiêu chuẩn thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
3.1	Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê	Không có đơn vị nào thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê	1		
		Có đơn vị được giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê, nhưng không có công chức/viên chức chuyên trách	2		
		Có đơn vị được giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê, có công chức/viên chức chuyên trách	3		
		Có đơn vị chuyên trách (cấp vụ/phòng/ban/nhóm công tác) thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê	4		
		Có đơn vị chuyên trách (cấp vụ/phòng/ban/nhóm công tác) thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê; Công chức/viên chức chuyên trách được bồi dưỡng về tiêu chuẩn thống kê	5		
3.2	Thực hiện việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn thống kê	Không tổ chức bất kỳ một hình thức tham khảo ý kiến nào trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn thống kê	1		
		Tổ chức tham khảo ý kiến tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hoặc sử dụng thông tin thống kê bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	2		
		Tổ chức tham khảo ý kiến tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hoặc sử dụng thông tin thống kê bằng hình thức hội thảo khoa học	3		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		Tổ chức tham khảo ý kiến tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê bằng hình thức tham vấn trực tiếp với nhóm chuyên gia/chuyên gia trong nước	4		
		Tổ chức tham khảo ý kiến tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê bằng hình thức tham vấn trực tiếp với nhóm chuyên gia/ chuyên gia trong nước và quốc tế	5		
3.3	Có các tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	Không có tiêu chuẩn thống kê nào phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	1		
		Có dưới 50% số tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	3		
		Từ 80% đến 100% số tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	4		
		Từ 80% đến 100% số tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực; Có tiêu chuẩn thống kê do cơ quan xây dựng được quốc gia khác hoặc tổ chức quốc tế áp dụng	5		
3.4	Phổ biến các tiêu chuẩn thống kê và những thay đổi về tiêu chuẩn thống kê (nếu có)	Không thực hiện phổ biến các tiêu chuẩn thống kê và những thay đổi về tiêu chuẩn thống kê (nếu có)	1		
		Chỉ phổ biến tiêu chuẩn và những thay đổi về tiêu chuẩn (nếu có) thông qua các ấn phẩm hoặc tổ chức hội nghị phổ biến	2		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bảng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		Chỉ phổ biến tiêu chuẩn và những thay đổi về tiêu chuẩn (nếu có) thông qua các ấn phẩm và tổ chức hội nghị phổ biến	3		
		Các tiêu chuẩn thống kê và những thay đổi về tiêu chuẩn thống kê (nếu có) được phổ biến thông qua các ấn phẩm, tổ chức hội nghị phổ biến và các hình thức phổ biến hiện đại (qua tài liệu dạng điện tử, website, truyền hình...)	4		
		Tất cả các tiêu chuẩn thống kê và những thay đổi về tiêu chuẩn thống kê (nếu có) được phổ biến thông qua các ấn phẩm, tổ chức hội nghị phổ biến và các hình thức phổ biến hiện đại (qua tài liệu dạng điện tử, website, truyền hình...)	5		
3.5	Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn để cung cấp (nếu có yêu cầu)	Các tiêu chuẩn thống kê trước đây không có sẵn để cung cấp	1		
		Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn nhưng không đầy đủ các phiên bản để cung cấp (nếu có yêu cầu)	2		
		Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn và đầy đủ các phiên bản để cung cấp (nếu có yêu cầu) nhưng không có các bản giải thích những khác biệt giữa các phiên bản tiêu chuẩn thống kê cũ và mới	3		
		Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn đầy đủ các phiên bản để cung cấp (nếu có yêu cầu) và có các bản giải thích những khác biệt giữa các phiên bản tiêu chuẩn thống kê cũ và mới	4		
		Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn đầy đủ các phiên bản để cung cấp (nếu có yêu cầu) và có các bản giải thích những khác biệt giữa các phiên bản tiêu chuẩn thống kê cũ và mới được công khai trên website để người sử dụng thuận tiện xem xét, so sánh	5		
3.6	Lưu trữ thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống	Không có thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất	1		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
	kê ở mức chi tiết nhất	Có dưới 50% thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất	2		
		Từ 50% đến dưới 80% thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất	3		
		Từ 80% đến 100% thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất	4		
		Từ 80% đến 100% thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất; Cơ quan ban hành quy trình lưu trữ thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất	5		
3.7	Công bố, phổ biến các sản phẩm thống kê có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan	Không có sản phẩm thống kê được công bố, phổ biến có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan	1		
		Có dưới 50% sản phẩm thống kê được công bố, phổ biến có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan	2		
		Từ 50% đến dưới 80% sản phẩm thống kê được công bố, phổ biến có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan	3		
		Từ 80% đến 100% sản phẩm thống kê được công bố, phổ biến có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan	4		
		Từ 80% đến 100% sản phẩm thống kê được công bố, phổ biến có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan; Sản phẩm thống kê có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan được công bố, phổ biến trên website	5		

B. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG THỂ CHẾ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ

Tiêu chí 4. Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
4.1	Tổ chức thống kê được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền	Chưa có bất kỳ hình thức tổ chức thống kê nào	1		
		Có bộ phận/ nhóm thống kê thuộc cấp phòng/ vụ	2		
		Có đơn vị thống kê cấp phòng và tương đương	3		
		Có tổ chức thống kê cấp vụ và tương đương trở lên nhưng dưới 100% nhân lực thống kê có chứng chỉ theo ngạch thống kê	4		
		Có tổ chức thống kê là cơ quan hành chính cấp vụ và tương đương trở lên; và 100% nhân lực thống kê có chứng chỉ theo ngạch thống kê	5		
4.2	Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền	Người đứng đầu tổ chức thống kê không đạt tiêu chuẩn nào về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền	1		
		Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt dưới 50% số tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền	2		
		Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt từ 50% đến dưới 100% số tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền	3		
		Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt 100% các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền	4		
		Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt 100% các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và vượt 1 số tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền	5		
3	Công khai kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê	Không có kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê	1		
		Có kế hoạch hoặc báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê nhưng chỉ lồng ghép với các kế hoạch, báo cáo khác của cơ quan	2		
		Có kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê được công khai theo một trong các hình thức: ấn phẩm, website, mạng xã hội	3		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		Có kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê được công khai đồng thời theo các hình thức: ấn phẩm, website, mạng xã hội	4		
		Có kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê được công khai đồng thời theo các hình thức: ấn phẩm, website, mạng xã hội và trên website của cơ quan	5		
4.3	Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê	Chưa có bất kỳ văn bản nào quy định về việc tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê	1		
		Có văn bản quy định về việc tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê, nhưng chưa phải là quy trình	2		
		Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê, nhưng không được ban hành dưới dạng quyết định	3		
		Có quyết định ban hành quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê	4		
		Có quyết định ban hành quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê; Có cơ sở dữ liệu về hỏi và đáp các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê	5		

Tiêu chí 5. Bảo đảm tính khách quan và công bằng

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
5.1	Có quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê	Không có bất kỳ văn bản nào đề cập đến chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê	1		
		Có văn bản đề cập đến chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê, nhưng không phải văn bản riêng về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê	2		
		Có văn bản riêng về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê, nhưng không phải quyết định ban hành quy định về chuẩn mực đạo	3		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê			
		Có quyết định ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê	4		
		Có quyết định ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê; Có chiến lược tạo dựng hình ảnh người làm công tác thống kê tốt	5		
5.2	Có quy trình thực hiện việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan	Không có bất kỳ văn bản nào quy định việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan	1		
		Có văn bản quy định việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan, nhưng chưa phải là quy trình	2		
		Có quy trình thực hiện việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan, nhưng không được ban hành dưới dạng quyết định	3		
		Có quyết định ban hành quy trình thực hiện việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan	4		
		Có quyết định ban hành quy trình thực hiện việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan; Quy trình được rà soát, cải tiến thường xuyên	5		
5.3	Ban hành và thực hiện lịch phổ biến thông tin thống kê	Không ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê	1		
		Có quyết định ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê, nhưng không thông báo trước và giải thích lý do thay đổi thời gian công bố, phổ biến so với lịch (nếu có)	2		
		Có quyết định ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê, thông báo trước và giải thích lý do thay đổi thời gian công bố, phổ biến so với lịch (nếu có), nhưng không có báo cáo kết quả thực hiện lịch phổ biến thông tin thống kê	3		
		Có quyết định ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê, thông báo trước và giải thích lý do thay đổi thời gian công bố, phổ biến so với lịch (nếu có), có báo cáo kết quả thực hiện lịch phổ biến thông tin thống kê	4		
		Có quyết định ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê, thông báo trước và giải thích lý do thay đổi thời gian công bố, phổ biến so với lịch (nếu có), có báo cáo kết quả thực hiện lịch phổ biến thông tin; Lịch phổ biến thông tin thống kê được chi tiết thời gian đến giờ công bố	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		thông tin thống kê			
5.4	Có quy chế phổ biến thông tin thống kê	Không có bất kỳ văn bản nào quy định việc phổ biến thông tin thống kê	1		
		Có văn bản quy định về cách thức phổ biến thông tin thống kê, nhưng không phải văn bản riêng	2		
		Có văn bản riêng quy định về cách thức phổ biến thông tin thống kê, nhưng chưa phải là quy chế	3		
		Có quyết định ban hành quy chế phổ biến thông tin thống kê trong đó có quy định về dịch vụ cung cấp phổ biến thông tin thống kê	4		
		Có quyết định ban hành quy chế phổ biến thông tin thống kê trong đó có quy định về dịch vụ cung cấp phổ biến thông tin thống kê Có văn bản quy định danh mục phí dịch vụ cung cấp các thông tin thống kê được công khai	5		
5.5	Có quy định về việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố	Không có bất kỳ văn bản nào quy định việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố	1		
		Có văn bản đề cập đến việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố, nhưng không phải văn bản riêng	2		
		Có văn bản riêng quy định việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố, nhưng không được ban hành dưới dạng quyết định	3		
		Có quyết định ban hành quy định về việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố	4		
		Có quyết định ban hành quy định về việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố; Có chính sách điều chỉnh thông tin thống kê, trong đó quy định về việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố	5		

Tiêu chí 6. Bảo đảm tính minh bạch

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
6.1	Công khai danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố	Không có danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố	1		
		Có danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố nhưng không công khai danh sách này	2		
		Danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố (nếu có) được công khai bằng hình thức văn bản	3		
		Danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố (nếu có) được công khai đồng thời bằng hình thức văn bản và website	4		
		Có chính sách phổ biến thông tin thống kê, trong đó có danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố; Chính sách được công khai đồng thời bằng hình thức văn bản và website	5		
6.2	Có quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ	Không có bất kỳ văn bản nào quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ	1		
		Không áp dụng	2		
		Không áp dụng	3		
		Có văn bản quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ	4		
		Có văn bản quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ Tư liệu hóa các lần thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ	5		
6.3	Có quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê	Không có bất kỳ văn bản nào quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết quy trình bảo mật đã được thực hiện làm ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin thống kê	1		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
	kê biết quy trình bảo mật đã được thực hiện làm ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin thống kê	Không áp dụng	2		
		Không áp dụng	3		
		Có văn bản quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết quy trình bảo mật đã được thực hiện làm ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin thống kê	4		
		Có văn bản quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết quy trình bảo mật đã được thực hiện làm ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin thống kê Tư liệu hóa các lần thông báo	5		
6.4	Có quy định về việc thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn	Không có bất kỳ văn bản nào quy định về việc thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn	1		
		Không áp dụng	2		
		Không áp dụng	3		
		Có quy định bằng văn bản về việc thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn	4		
		Có quy định bằng văn bản về việc thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn Tư liệu hóa các lần thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn	5		

Tiêu chí 7. Bảo đảm tính bảo mật và an ninh thông kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
7.1	Có tài liệu hướng dẫn thực hiện việc bảo mật và an ninh thông tin thống kê	Không có bất kỳ tài liệu nào đề cập đến hướng dẫn thực hiện việc bảo mật và an ninh thông tin thống kê	1		
		Có tài liệu đề cập đến các hướng dẫn thực hiện việc bảo mật và an ninh thông tin thống kê (không phải sổ tay hướng dẫn), nhưng không phải văn bản riêng	2		
		Có tài liệu riêng hướng dẫn thực hiện việc bảo mật và an ninh thông tin thống kê (không phải sổ tay hướng dẫn)	3		
		Có sổ tay hướng dẫn việc thực hiện bảo mật và an ninh thông kê được ban hành	4		
		Có sổ tay hướng dẫn việc thực hiện bảo mật và an ninh thông kê được ban hành và được rà soát, cải tiến thường xuyên	5		
7.2	Có quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	Không có bất kỳ văn bản nào đề cập đến quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	1		
		Có văn bản đề cập đến quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, nhưng không phải văn bản riêng	2		
		Có quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, nhưng không được ban hành dưới dạng quyết định	3		
		Có quyết định ban hành quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin được công khai	4		
		Có quyết định ban hành quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin được công khai; Quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin được rà soát, cải tiến thường xuyên	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
7.3	Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê	Không có bất kỳ văn bản nào quy định về việc người làm công tác thống kê cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê	1		
		Không áp dụng	2		
		Không áp dụng	3		
		Có quy định bằng văn bản về việc người làm công tác thống kê cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê	4		
		Có quy định bằng văn bản về việc người làm công tác thống kê cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê 100% người làm công tác thống kê của cơ quan ký cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê	5		
7.4	Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê	Không có bất kỳ quy định nào về các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê, không thực hiện biện pháp nào để bảo đảm an ninh thông tin thống kê	1		
		Không có bất kỳ quy định nào về các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê, thực hiện một số biện pháp để bảo đảm an ninh thông tin thống kê	2		
		Có văn bản đề cập đến các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê, thực hiện một số biện pháp để bảo đảm an ninh thông tin thống kê	3		
		Có quy định về các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê, và thực hiện các biện pháp này	4		
		Có quy định về các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê, và thực hiện các biện pháp này Các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê được rà soát và cải tiến thường xuyên	5		

Tiêu chí 8. Bảo đảm cam kết chất lượng thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
8.1	Tuyên bố cam kết bảo đảm chất lượng thống kê	Cơ quan không có văn bản nào đề cập đến việc cam kết bảo đảm chất lượng thống kê	1		
		Có văn bản đề cập đến việc cam kết bảo đảm chất lượng thống kê, nhưng không phải là một tuyên bố riêng	2		
		Có văn bản tuyên bố riêng cam kết bảo đảm chất lượng thống kê, nhưng không có văn bản tuyên bố cam kết chất lượng cho từng lĩnh vực thống kê	3		
		Có văn bản tuyên bố cam kết bảo đảm chất lượng thống kê cho từng lĩnh vực thống kê	4		
		Có văn bản tuyên bố cam kết bảo đảm chất lượng thống kê cho 100% lĩnh vực thống kê	5		
8.2	Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê	Không có đơn vị nào thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê	1		
		Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê nhưng chỉ giao cho cá nhân thực hiện kiêm nhiệm	2		
		Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê nhưng chỉ giao cho cá nhân/ nhóm công tác thực hiện chuyên trách	3		
		Có đơn vị thực hiện chuyên trách nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê	4		
		Có đơn vị thực hiện chuyên trách nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê; Thành lập hội đồng chất lượng thống kê bao gồm các thành viên trong và ngoài cơ quan	5		
8.3	Có sổ tay hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê	Không có văn bản nào đề cập đến hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê	1		
		Có văn bản đề cập đến hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê (nhưng không phải văn bản riêng)	2		
		Có văn bản riêng hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê, nhưng không phải sổ tay hướng dẫn	3		
		Có sổ tay hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê được ban hành	4		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		Sổ tay hướng dẫn được ban hành và rà soát, cải tiến thường xuyên	5		
8.4	Công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê	Không có công chức, viên chức thống kê nào được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê	1		
		Có dưới 50% số công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê	3		
		Từ 80% số công chức, viên chức thống kê trở lên được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê	4		
		Từ 80% số công chức, viên chức thống kê trở lên được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê; 100% công chức, viên chức thống kê thực hiện chức năng quản lý chất lượng thống kê được cấp chứng chỉ đánh giá viên	5		
8.5	Có kế hoạch bảo đảm chất lượng cho từng chương trình thống kê trước khi thực hiện	Không có kế hoạch bảo đảm chất lượng cho chương trình thống kê nào trước khi thực hiện từng chương trình	1		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê có kế hoạch bảo đảm chất lượng trước khi thực hiện chương trình	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê có kế hoạch bảo đảm chất lượng trước khi thực hiện chương trình	3		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê có kế hoạch bảo đảm chất lượng trước khi thực hiện chương trình	4		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê có kế hoạch bảo đảm chất lượng trước khi thực hiện chương trình Kế hoạch bảo đảm chất lượng của từng chương trình được thiết kế cho tất cả các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	5		
8.6	Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ	Chưa có bất kỳ văn bản nào quy định về việc tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê	1		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
	quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê	Có văn bản quy định về việc tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê, nhưng chưa phải là quy trình	2		
		Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê, nhưng không được ban hành dưới dạng quyết định	3		
		Có quyết định ban hành quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê	4		
		Có quyết định ban hành quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê Có CSDL về hỏi và đáp các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê	5		
8.7	Thực hiện việc đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê	Không thực hiện đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê	1		
		Thực hiện đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê của cơ quan nhưng không theo định kỳ hàng năm	2		
		Thực hiện đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê của cơ quan theo định kỳ hàng năm	3		
		Thực hiện đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê của cơ quan và của từng lĩnh vực thống kê theo định kỳ hàng năm	4		
		Thực hiện đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê của cơ quan và của từng lĩnh vực thống kê theo định kỳ hàng năm Có CSDL về đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê trên website	5		
8.8	Có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất	Không có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê	1		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
	lượng thống kê	Có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê nhưng không được lập theo định kỳ hàng năm	2		
		Có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê của cơ quan được lập theo định kỳ hàng năm	3		
		Có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê của cơ quan và của từng lĩnh vực thống kê được lập theo định kỳ hàng năm	4		
		Có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê của cơ quan và của từng lĩnh vực thống kê được lập theo định kỳ hàng năm; Có báo cáo tiến độ thường xuyên về việc thực hiện kế hoạch hành động	5		

Tiêu chí 9. Bảo đảm đầy đủ các nguồn lực cho hoạt động thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
9.1	Bảo đảm nhân lực cho hoạt động thống kê	Không có đủ số lượng nhân lực cho hoạt động thống kê, dưới 80% số công chức, viên chức thống kê có trình độ chuyên môn phù hợp	1		
		Không có đủ số lượng nhân lực cho hoạt động thống kê, 100% số công chức, viên chức thống kê có trình độ chuyên môn phù hợp	2		
		Có đủ số lượng nhân lực cho hoạt động thống kê, dưới 80% số công chức, viên chức thống kê có trình độ chuyên môn phù hợp	3		
		Có đủ số lượng nhân lực cho hoạt động thống kê, 100% số công chức, viên chức thống kê có trình độ chuyên môn phù hợp	4		
		Có đủ số lượng nhân lực cho hoạt động thống kê, 100% số công chức, viên chức thống kê có trình độ chuyên môn phù hợp; Có kế hoạch tăng cường năng lực cho công chức, viên chức thống kê	5		
9.2	Bảo đảm kinh phí cho hoạt động thống kê	Kinh phí cho hoạt động thống kê không được cấp đủ 100% so với dự toán và không cấp đúng tiến độ	1		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		Không áp dụng	2		
		Kinh phí cho hoạt động thống kê được cấp đủ 100% so với dự toán nhưng không được cấp đúng tiến độ	3		
		Kinh phí cho hoạt động thống kê được cấp đủ 100% so với dự toán và được cấp đúng tiến độ	4		
		Kinh phí cho hoạt động thống kê được cấp đủ 100% so với dự toán và được cấp đúng tiến độ; Có kế hoạch huy động nguồn lực cho hoạt động thống kê	5		
9.3	Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin và các nguồn lực khác cho hoạt động thống kê	Không có lĩnh vực thống kê nào được đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông	1		
		Có dưới 50% số lĩnh vực thống kê được đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số lĩnh vực thống kê được đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông	3		
		Từ 80% đến 100% số lĩnh vực thống kê được đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông	4		
		Từ 80% đến 100% số lĩnh vực thống kê được đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông; Có kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông cho các hoạt động thống kê	5		

C. QUẢN LÝ CÁC QUY TRÌNH THỐNG KÊ

Tiêu chí 10. Bảo đảm tính đúng đắn của phương pháp luận thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
10.1	Các phương pháp luận thống kê đang sử dụng đều phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	Các lĩnh vực thống kê sử dụng phương pháp luận thống kê chưa phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	1		
		Dưới 50% lĩnh vực thống kê sử dụng phương pháp luận thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	2		
		Từ 50 - <100% lĩnh vực thống kê sử dụng phương pháp luận thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	3		
		100% lĩnh vực thống kê sử dụng phương pháp luận thống kê đều phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	4		
		100% lĩnh vực thống kê sử dụng phương pháp luận thống kê đều phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực; Có CSDL về phương pháp luận thống kê dùng chung	5		
10.2	Quy định việc áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê	Chưa có quy định về áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê	1		
		Có nội dung đề cập đến việc áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê, nhưng được lồng ghép vào các văn bản khác	2		
		Có văn bản riêng đề cập đến việc áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê, nhưng không phải quyết định	3		
		Có quyết định ban hành quy định áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê	4		
		Có quyết định ban hành quy định áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê; Xem xét mức độ thực hiện quyết định để kịp thời sửa đổi, bổ sung	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
10.3	Hợp tác với các chuyên gia, nhà khoa học nhằm cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê	Chưa có hoạt động nào về cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê	1		
		Mời các chuyên gia, nhà khoa học tham dự hội thảo, hội nghị khoa học về cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê	2		
		Có văn bản hợp tác với các chuyên gia, nhà khoa học về cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê	3		
		Hội đồng tư vấn về cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê với các thành viên là các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài cơ quan	4		
		Hội đồng tư vấn về cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê với các thành viên là các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài cơ quan; có CSDL về các chuyên gia, nhà khoa học về phương pháp luận thống kê cập nhật hàng năm	5		
10.4	Thực hiện việc đánh giá sự phù hợp của các hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê	Chưa thực hiện đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá về sự phù hợp của các hình thức thu thập thông tin thống kê	1		
		Dưới 50 % lĩnh vực thống kê thực hiện đánh giá và kết quả về sự phù hợp của các hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê	2		
		Từ 50-<100% lĩnh vực thống kê thực hiện đánh giá và báo cáo sự phù hợp của các hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê	3		
		100% lĩnh vực thống kê thực hiện đánh giá và báo cáo sự phù hợp của các hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê	4		
		100% lĩnh vực thống kê thực hiện đánh giá và báo cáo sự phù hợp của các hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê; Tư liệu hóa hoạt động thực hiện đánh giá các hình thức thu thập thông tin thống kê	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
10.5	Quy định việc sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu	Chưa có bất kỳ quy định nào về việc sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu	1		
		Có nội dung hướng dẫn sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu, nhưng được lồng ghép với các tài liệu khác	2		
		Có tài liệu hướng dẫn sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu, nhưng chưa ở dạng quyết định	3		
		Có quyết định ban hành qui định sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu	4		
		Có quyết định ban hành qui định sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu; Có CSDL về hiệu chỉnh và gán dữ liệu còn thiếu	5		
10.6	Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê	Công chức, viên chức nào làm công tác thống kê chưa được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê	1		
		Dưới 50% số công chức, viên chức làm công tác thống kê được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê	2		
		Từ 50 ->100 % số công chức, viên chức làm công tác thống kê được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê	3		
		100% công chức, viên chức làm công tác thống kê được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê	4		
		100% công chức, viên chức làm công tác thống kê được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê; Ứng dụng CNTT trong việc quản lý quá trình đào tạo, bồi dưỡng CCVC	5		

Tiêu chí 11. Bảo đảm sự phù hợp giữa hiệu quả và chi phí

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
11.1	Thực hiện các biện pháp giám sát việc sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê	Chưa thực hiện các biện pháp giám sát việc sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê	1		
		Đã thực hiện các biện pháp giám sát, nhưng chưa có báo cáo kết quả giám sát việc sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê	2		
		Đã thực hiện các biện pháp giám sát, nhưng báo cáo kết quả giám sát được lồng ghép trong các báo cáo khác	3		
		Đã thực hiện các biện pháp giám sát và báo cáo kết quả giám sát sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê	4		
		Đã thực hiện các biện pháp giám sát và báo cáo kết quả giám sát sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê; Việc giám sát được tự liệu hóa	5		
11.2	Thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê	Chưa thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê	1		
		Đã thực hiện các biện pháp chuẩn hóa, nhưng chưa có báo cáo kết quả chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê	2		
		Đã thực hiện các biện pháp chuẩn hóa; nhưng kết quả chuẩn hóa được lồng ghép vào báo cáo khác	3		
		Đã thực hiện các biện pháp và báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê	4		
		Đã thực hiện các biện pháp và báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê; Thành lập Hội đồng chuyên môn thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê	5		
11.3	Rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự	Chưa thực hiện rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới	1		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
	kiến thu thập dữ liệu mới	Đã thực hiện rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới, nhưng chưa có báo cáo kết quả rà soát	2		
		Đã thực hiện rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới, nhưng kết quả rà soát được lồng ghép trong báo cáo khác	3		
		Đã thực hiện rà soát và báo cáo kết quả rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới	4		
		Đã thực hiện rà soát và báo cáo kết quả rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới; Thành lập Hội đồng rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới	5		
11.4	Tham gia một cách chủ động với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính để cải thiện tiềm năng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê	Chưa chủ động làm việc với bất kỳ cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính	1		
		Chủ động làm việc với dưới 50% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính	2		
		Chủ động làm việc từ 50% - <100 cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính	3		
		Chủ động làm việc với 100% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính	4		
		Chủ động làm việc với 100% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính; Tổ chức cuộc họp rà soát và có văn bản thỏa thuận	5		
11.5	Ứng dụng tối đa công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu thống kê	Chưa có kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê	1		
		Có kế hoạch và thực hiện dưới 50% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê	2		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		Có kế hoạch và thực hiện từ 50%-<100% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê	3		
		Có kế hoạch và thực hiện 100% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê	4		
		Có kế hoạch và thực hiện 100% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động thống kê	5		

Tiêu chí 12. Bảo đảm tính đúng đắn của việc thực hiện các chương trình thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
12.1	Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng trong từng bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	Chưa thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng ở từng bước của quy trình biên soạn chỉ tiêu, quy trình điều tra thống kê	1		
		Dưới 50% số chỉ tiêu và điều tra thống kê được kiểm soát chất lượng ở từng bước của quy trình biên soạn chỉ tiêu, quy trình điều tra thống kê	2		
		Từ 50-<100% số chỉ tiêu và điều tra thống kê được kiểm soát chất lượng ở từng bước của quy trình biên soạn chỉ tiêu, quy trình điều tra thống kê	3		
		100% số chỉ tiêu và điều tra thống kê được kiểm soát chất lượng ở từng bước của quy trình biên soạn chỉ tiêu, quy trình điều tra thống kê	4		
		100% số chỉ tiêu và điều tra thống kê được kiểm soát chất lượng ở từng bước của quy trình biên soạn chỉ tiêu, quy trình điều tra thống kê; Cải tiến các biện pháp kiểm soát chất lượng bằng các công cụ chất lượng	5		
12.2	Có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình thống kê	Chưa có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình thống kê	1		
		Dưới 50% các chương trình thống kê có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình này	2		
		Từ 50 - <100% các chương trình thống kê có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình này	3		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí	Mã số	Mã số bảng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		100% các chương trình thống kê có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình này	4		
		100% các chương trình thống kê có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình này; CSDL về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình thống kê được cập nhật thường xuyên	5		
12.3	Thực hiện việc đánh giá tính hiệu quả của chương trình thống kê	Chưa thực hiện đánh giá tính hiệu quả của các chương trình thống kê	1		
		Dưới 50% các chương trình thống kê được đánh giá tính hiệu quả	2		
		Từ 50% -<100 lượng chương trình thống kê được đánh giá tính hiệu quả	3		
		100% trở lên chương trình thống kê được đánh giá tính hiệu quả	4		
		100% trở lên chương trình thống kê được đánh giá tính hiệu quả; Thành lập Hội đồng đánh giá và cải tiến tính hiệu quả của các chương trình thống kê	5		

Tiêu chí 13. Quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
13.1	Có tài liệu hướng dẫn về quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	Chưa có bất kì tài liệu hướng dẫn quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	1		
		Có tài liệu hướng dẫn quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, nhưng được lồng ghép vào các tài liệu khác	2		
		Có tài liệu hướng dẫn quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, nhưng chưa có quyết định ban hành	3		
		Có quyết định ban hành sổ tay hướng dẫn quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	4		
		Có quyết định ban hành sổ tay hướng dẫn quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin; Có Sổ tay hướng dẫn điện tử và sổ tay được cập nhật thường xuyên	5		
13.2	Áp dụng các hình thức, phương pháp thu thập thông tin khác nhau và các tiêu chuẩn thống kê để giảm gánh nặng trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	Chưa sử dụng CSDL hành chính nào cho mục đích thống kê; Chưa kết hợp phương pháp thu thập thông tin truyền thống và hiện đại cho bất kỳ cuộc điều tra nào	1		
		Dưới 50% các CSDL hành chính hiện có được sử dụng cho mục đích thống kê; Dưới 50% các cuộc điều tra kết hợp phương pháp thu thập thông tin truyền thống và hiện đại	2		
		Từ 50 -<80% các CSDL hành chính hiện có được sử dụng cho mục đích thống kê; Từ 50 -<80% các cuộc điều tra kết hợp phương pháp thu thập thông tin truyền thống và hiện đại	3		
		Từ 80-<100% các CSDL hành chính hiện có được sử dụng cho mục đích thống kê; Từ 80 -<100% các cuộc điều tra kết hợp phương pháp thu thập thông tin truyền thống và hiện đại	4		
		100% các CSDL hành chính hiện có được sử dụng cho mục đích thống kê; 100% các cuộc điều tra kết hợp phương pháp thu thập thông tin truyền thống và hiện đại	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
13.3	Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	Chưa có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	1		
		Có thực hiện tiếp nhận, trả lời ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, nhưng chưa thực hiện theo quy trình	2		
		Thực hiện tiếp nhận, trả lời ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin theo quy trình, nhưng chưa có quyết định ban hành	3		
		Có quyết định ban hành quy trình và thực hiện tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin theo quy trình	4		
		Có quyết định ban hành quy trình và thực hiện tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin theo quy trình; CSDL hỏi và đáp về các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	5		
13.4	Thực hiện việc đánh giá phiếu điều tra, mẫu biểu báo cáo thống kê để xác định các hạn chế của chúng	Chưa thực hiện đánh giá phiếu điều tra, mẫu biểu báo cáo thống kê trong thiết kế và sau sử dụng	1		
		Dưới 50% các loại phiếu điều tra, biểu mẫu báo cáo thống kê được đánh giá trong thiết kế và sau sử dụng	2		
		Từ 50 - <100% các loại phiếu điều tra, biểu mẫu báo cáo thống kê được đánh giá trong thiết kế và sau sử dụng	3		
		100% các loại phiếu điều tra, biểu mẫu báo cáo thống kê được đánh giá trong quá trình thiết kế và khi sử dụng	4		
		100% các loại phiếu điều tra, biểu mẫu báo cáo thống kê được đánh giá trong quá trình thiết kế và khi sử dụng; Có ngân hàng câu hỏi phục vụ thiết kế điều tra và biểu mẫu báo cáo thống kê	5		

D. QUẢN LÝ CÁC KẾT QUẢ ĐẦU RA THỐNG KÊ

Tiêu chí 14. Bảo đảm tính phù hợp

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
14.1	Có cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê	Không có bất kỳ dữ liệu nào về người sử dụng thông tin thống kê	1		
		Có một số dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê, nhưng chưa ở dạng cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê	2		
		Có cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê, nhưng cơ sở dữ liệu này không được rà soát, cập nhật hàng năm	3		
		Có cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê được rà soát, cập nhật hàng năm	4		
		Có cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê được rà soát, cập nhật hàng năm; Có báo cáo phân tích dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê hàng năm để hỗ trợ việc thiết lập ưu tiên và tư vấn người sử dụng	5		
14.2	Tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê	1		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê	3		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê	4		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê; Tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê về các nội dung của chiến lược, kế hoạch công tác thống kê và công khai các kết quả này	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
14.3	Xác định và phản ánh nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin thống kê vào chiến lược, kế hoạch công tác của cơ quan	Không xác định nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin thống kê	1		
		Xác định nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin thống kê, nhưng không phản ánh những nhu cầu này vào chiến lược, kế hoạch công tác của cơ quan	2		
		Xác định nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin TK, nhưng chỉ phản ánh những nhu cầu này vào chiến lược dài hạn, không phản ánh những nhu cầu này vào kế hoạch hàng năm của cơ quan	3		
		Xác định nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin thống kê và phản ánh những nhu cầu này vào chiến lược dài hạn và hàng năm của cơ quan	4		
		Xác định nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin thống kê và phản ánh những nhu cầu này vào chiến lược dài hạn và hàng năm của cơ quan; Có CSDL về các nhu cầu ưu tiên	5		
14.4	Xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê	1		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê	3		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê	4		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê; Chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê thường xuyên được rà soát, điều chỉnh để đáp ứng các nhu cầu mới nổi	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
14.5	Xác định tỷ lệ đầy đủ của số liệu thống kê	Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu $X = 5$	5		

Tiêu chí 15. Bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
15.1	Thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê	1		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê	3		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê	4		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê; Có quy trình đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê	5		
15.2	Thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu	1		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
	mẫu	Có dưới 50% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu	3		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu	4		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu; Có quy trình đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu	5		
15.3	Thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu	1		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu	3		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu	4		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu; Có quy trình đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu	5		
15.4	Xác định tỷ lệ vượt quá phạm vi	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu $X = 5$	5		
15.5	Xác định tỷ lệ đơn vị không trả lời	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu $X = 5$	5		
15.6	Xác định tỷ lệ khoản mục không trả lời	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu $X = 5$	5		
15.7	Xác định quy mô trung bình điều chỉnh số liệu thống kê	Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu $X = 5$	5		
15.8	Xác định tỷ lệ gán số liệu còn thiếu	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu $X = 5$	5		

Tiêu chí 16. Bảo đảm tính kịp thời và tính đúng hạn

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
16.1	Xác định thời gian trễ của kết quả đầu ra thống kê được công bố lần đầu	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu $X = 5$	5		
16.2	Xác định thời gian trễ của kết quả đầu ra thống kê được công bố cuối cùng	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu $X = 5$	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
16.3	Xác định tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu $X = 5$	5		
16.4	Xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	1		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	3		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	4		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê; Có báo cáo riêng đánh giá về thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	5		

Tiêu chí 17. Bảo đảm tính dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
17.1	Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ người sử dụng thông tin thống kê	Không có đơn vị nào thực hiện chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ người sử dụng thông tin thống kê	1		
		Không áp dụng	2		
		Không áp dụng	3		
		Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ người sử dụng thông tin thống kê	4		
		Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ người sử dụng thông tin thống kê; Tư liệu hóa các trường hợp hỗ trợ người sử dụng thông tin	5		
17.2	Có quy định việc trình bày và lưu trữ số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, các xuất bản phẩm thống kê để bảo đảm dễ tiếp cận, rõ ràng, dễ hiểu	Không có bất kỳ quy định nào về việc trình bày và lưu trữ số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, các xuất bản phẩm thống kê	1		
		Có quy định việc trình bày và lưu trữ một trong các dạng sau: Số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, các xuất bản phẩm thống kê	2		
		Có quy định việc trình bày và lưu trữ 2 trong các dạng sau: Số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, các xuất bản phẩm thống kê	3		
		Có quy định việc trình bày và lưu trữ số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, và các xuất bản phẩm thống kê để bảo đảm dễ tiếp cận, rõ ràng, dễ hiểu	4		
		Có quy định việc trình bày và lưu trữ số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, và các xuất bản phẩm thống kê để bảo đảm dễ tiếp cận, rõ ràng, dễ hiểu; Quy định này được rà soát, cải tiến thường xuyên	5		
17.3	Có danh mục các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê	Không có danh mục các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê	1		
		Có danh mục các xuất bản phẩm hoặc dịch vụ thống kê	2		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		Có danh mục các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê, nhưng không được rà soát, cập nhật hàng năm	3		
		Có danh mục các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê được rà soát, cập nhật hàng năm	4		
		Có danh mục điện tử các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê được rà soát, cập nhật hàng năm và công khai trên web	5		
17.4	Ứng dụng tối đa công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động phổ biến, lưu trữ thông tin thống kê	Chưa có kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt phổ biến, lưu trữ thông tin thống kê	1		
		Có kế hoạch và thực hiện dưới 50% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động phổ biến, lưu trữ thông tin thống kê	2		
		Có kế hoạch và thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động phổ biến, lưu trữ thông tin thống kê	3		
		Có kế hoạch và thực hiện 80 đến 100% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thông tin thống kê	4		
		Có kế hoạch và thực hiện 80 đến 100% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thông tin thống kê được phổ biến dạng điện tử; Có Hệ thống lưu trữ thông tin thống kê	5		
17.5	Có quy định việc truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê vi mô	Không có bất kỳ văn bản nào quy định về việc truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê vi mô	1		
		Không áp dụng	2		
		Không áp dụng	3		
		Có văn bản quy định việc truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê vi mô	4		
		Có văn bản quy định và quy trình quản lý việc truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê vi mô	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
17.6	Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	Công chức, viên chức thống kê không được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	1		
		Có dưới 50% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	2		
		Từ 50% đến dưới 80% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	3		
		Từ 80% đến 100% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	4		
		Từ 80% đến 100% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng; Các khóa đào tạo về các kỹ năng này được đổi mới, cải tiến thường xuyên	5		

Tiêu chí 18. Bảo đảm tính chặt chẽ và tính so sánh

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
18.1	Thực hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê	1		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê	3		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê	4		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê; Việc đánh giá được tự động hóa	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
18.2	Có cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn thống kê dùng chung	Không lưu trữ bất kỳ dữ liệu nào về tiêu chuẩn thống kê	1		
		Các dữ liệu về tiêu chuẩn thống kê không được lưu trữ tập trung ở cùng một đơn vị	2		
		Các dữ liệu về tiêu chuẩn thống kê được lưu trữ tập trung ở cùng một đơn vị, nhưng chưa hình thành cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn thống kê dùng chung	3		
		Có cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn thống kê dùng chung	4		
		Cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn thống kê dùng chung được cập nhật, nâng cấp, cải tiến thường xuyên	5		
18.3	Biên soạn số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau đều dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị và phân loại thống kê	Không có các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị và phân loại thống kê để biên soạn số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau	1		
		Số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, nhưng không dựa trên các tiêu chuẩn chung về đơn vị và phân loại thống kê	2		
		Số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị nhưng không dựa trên các tiêu chuẩn chung về phân loại thống kê	3		
		Số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau đều dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị và phân loại thống kê	4		
		Số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau đều dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị và phân loại thống kê; Việc biên soạn số liệu thống kê được tự động hóa	5		
18.4	Xác định độ dài của dãy số thời gian có tính so sánh	Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu X = 5	5		
18.5	Có giải thích về các trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian	Không đưa ra giải thích về bất kỳ một trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian nào	1		
		Có dưới 50% số trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian được giải thích rõ ràng	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian được giải thích rõ ràng	3		
		Từ 80% đến 100% số trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian được giải thích rõ ràng	4		
		Từ 80% đến 100% số trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian được giải thích rõ ràng; Việc giải thích về các trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian được công khai trên website	5		

Tiêu chí 19. Quản lý dữ liệu đặc tả thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
19.1	Có tài liệu hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê	Không có bất kỳ tài liệu nào đề cập đến hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê	1		
		Có tài liệu đề cập đến các hướng dẫn biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê, nhưng không phải văn bản riêng	2		
		Có tài liệu riêng hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê (không phải sổ tay hướng dẫn)	3		
		Có sổ tay hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê được ban hành	4		
		Có sổ tay hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê được ban hành và được rà soát, cải tiến thường xuyên	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bằng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
19.2	Công bố và phổ biến số liệu thống kê kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng, hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả thống kê	Chỉ công bố và phổ biến số liệu thống kê mà không công bố kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng hoặc không chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả TK	1		
		Có dưới 50% số chỉ tiêu thống kê được công bố và phổ biến kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng, hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả thống kê	2		
		Từ 50% đến dưới 80% số chỉ tiêu thống kê được công bố, phổ biến kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng, hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả	3		
		Từ 80% đến 100% số chỉ tiêu thống kê được công bố, phổ biến kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng, hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả thống kê	4		
		Từ 80% đến 100% số chỉ tiêu thống kê được công bố và phổ biến kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng, hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả thống kê; Việc công bố và phổ biến được công khai trên website	5		
19.3	Có cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê dùng chung	Không lưu trữ bất kỳ dữ liệu đặc tả thống kê nào	1		
		Các dữ liệu đặc tả thống kê không được lưu trữ tập trung ở cùng một đơn vị	2		
		Các dữ liệu đặc tả thống kê được lưu trữ tập trung ở cùng một đơn vị, nhưng chưa hình thành cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê dùng chung	3		
		Có cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê dùng chung	4		
		Cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê dùng chung được cập nhật, nâng cấp, cải tiến thường xuyên	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)	Mã số	Mã số bảng chứng	Ghi chú
A	B	C	D	F	G
19.4	Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về dữ liệu đặc tả thống kê	Công chức, viên chức thống kê không được đào tạo, bồi dưỡng về dữ liệu đặc tả thống kê	1		
		Có dưới 50% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	2		
		Từ 50% đến dưới 80% công chức, viên chức TK được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	3		
		Từ 80% đến 100% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	4		
		Từ 80% đến 100% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn; Các khóa đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng này được đổi mới, cải tiến thường xuyên	5		
19.5	Xác định tỷ lệ đầy đủ của dữ liệu đặc tả thống kê	Mức đáp ứng tb của các chỉ tiêu thống kê/điều tra chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1		
		Mức đáp ứng tb của các chỉ tiêu thống kê/điều tra chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2		
		Mức đáp ứng TB của các chỉ tiêu thống kê/điều tra chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3		
		Mức đáp ứng TB của các chỉ tiêu thống kê/điều tra chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4		
		Mức đáp ứng TB của các chỉ tiêu thống kê/điều tra chủ yếu $X = 5$	5		

Số nội dung tiêu chí đánh giá phân theo mức đánh giá*ĐVT: Nội dung tiêu chí*

TT	Tiêu chí	Tổng số	Phân theo mức đánh giá				Tr.đó: vượt chuẩn	Ghi chú
			Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4		
A	B	1	2	3	4	5	6	7
I	Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp; quản lý tiêu chuẩn thống kê							
1	Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê							
2	Quản lý mối quan hệ với các bên liên quan							
3	Quản lý các tiêu chuẩn thống kê							
II	Quản lý môi trường thể chế cho các hoạt động thống kê							
4	Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê							
5	Bảo đảm tính khách quan và tính công bằng							
6	Bảo đảm tính minh bạch							
7	Bảo đảm tính bảo mật và an ninh thông tin thống kê							
8	Bảo đảm cam kết chất lượng thống kê							
9	Bảo đảm đầy đủ các nguồn lực cho hoạt động thống kê							
III	Quản lý các quy trình thống kê							
10	Bảo đảm tính đúng đắn của phương pháp luận thống kê							
11	Bảo đảm sự phù hợp giữa hiệu quả và chi phí							
12	Bảo đảm tính đúng đắn của việc thực hiện các chương trình thống kê							
13	Quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin							
IV	Quản lý các kết quả đầu ra thống kê							
14	Bảo đảm tính phù hợp							
15	Bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy							
16	Bảo đảm tính kịp thời và tính đúng hạn							
17	Bảo đảm tính dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu							
18	Bảo đảm tính chặt chẽ và tính so sánh							
19	Quản lý dữ liệu đặc tả thống kê							
	Tổng số							

Điểm đánh giá chất lượng phân theo tiêu chí

ĐVT: Điểm

TT	Tiêu chí	Tổng số điểm tối đa	Tổng điểm đánh giá	Chia ra		Tỷ lệ %	Ghi chú
				Điểm theo các mức	Điểm thưởng vượt chuẩn		
A	B	1	2	3	4	5=2:1	6
I	Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp; quản lý tiêu chuẩn thống kê						
1	Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê						
2	Quản lý mối quan hệ với các bên liên quan						
3	Quản lý các tiêu chuẩn thống kê						
II	Quản lý môi trường thể chế cho các hoạt động thống kê						
4	Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê						
5	Bảo đảm tính khách quan và tính công bằng						
6	Bảo đảm tính minh bạch						
7	Bảo đảm tính bảo mật và an ninh thông tin thống kê						
8	Bảo đảm cam kết chất lượng thống kê						
9	Bảo đảm đầy đủ các nguồn lực cho hoạt động thống kê						
III	Quản lý các quy trình thống kê						
10	Bảo đảm tính đúng đắn của phương pháp luận thống kê						
11	Bảo đảm sự phù hợp giữa hiệu quả và chi phí						
12	Bảo đảm tính đúng đắn của việc thực hiện các chương trình thống kê						
13	Quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin						
IV	Quản lý các kết quả đầu ra thống kê						
14	Bảo đảm tính phù hợp						
15	Bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy						
16	Bảo đảm tính kịp thời và tính đúng hạn						
17	Bảo đảm tính dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu						
18	Bảo đảm tính chặt chẽ và tính so sánh						
19	Quản lý dữ liệu đặc tả thống kê						
	Tổng số						

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN

BÁO CÁO
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ
(Năm đánh giá.....)

(Theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 ban hành tại QĐ số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh/ Thành phố, tháng - 202....

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC HÌNH VẼ

MỞ ĐẦU

PHẦN 1. THÔNG TIN CƠ BẢN

I. Thông tin cơ bản về cơ quan

(Tên cơ quan, tên cơ quan chủ quản, tổng số công chức, viên chức và người lao động (trong đó, số công chức, viên chức làm công tác thống kê)

II. Tóm tắt công tác thống kê thực hiện trong năm đánh giá

III. Mô tả quá trình thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê

IV. Thuận lợi và khó khăn trong tự đánh giá chất lượng thống kê

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ

I. Tóm tắt kết quả tự đánh giá chất lượng thống kê (tổng quát)

- Mô tả kết quả tự đánh giá bằng các số liệu tổng hợp chung và theo 4 cấp độ chất lượng (kết hợp các hình thức trình bày: Lời văn, bảng biểu, đồ thị (nên dùng đồ thị hình nhện)
- Phân tích chất lượng thống kê của cơ quan (sử dụng các số trung bình, trung vị, mốt, khoảng biên thiên về điểm chất lượng để phân tích, đánh giá)
- Chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu nổi bật về chất lượng

II. Kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí chất lượng thống kê (chi tiết)

1. Tiêu chí 1. Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê

1.1. Nội dung tiêu chí: Có quy định về điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê

- Mô tả kết quả đánh giá
- Đánh giá
- Điểm mạnh
- Điểm yếu
- Hướng khắc phục điểm yếu

TT	Mục tiêu	Nội dung/công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1					
...					

.

1.2. Nội dung tiêu chí:...

- Mô tả kết quả đánh giá

- Tự đánh giá
- Điểm mạnh
- Điểm yếu
- Hướng khắc phục điểm yếu:

TT	Mục tiêu cải tiến	Nội dung/công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1					
...					

➤ **Đánh giá chung về tiêu chí 1:**

- (1) Tóm tắt các điểm mạnh
- (2) Tóm tắt các điểm yếu
- (3) Kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Mục tiêu cải tiến	Nội dung/công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1					
...					

(4) Mức đánh giá

Nội dung tiêu chí	Tự đánh giá (Mức)
Nội dung tiêu chí 1.1	
Nội dung tiêu chí 1.2	
Tiêu chí 1	

2. Tiêu chí

(Kết quả đánh giá tiêu chí 2 và các tiêu chí tiếp theo được trình bày tương tự như tiêu chí 1)

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

2. Kiến nghị

....., ngày..... tháng..... năm 202...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÁC PHỤ LỤC

Biểu 01/DSK: Danh sách nội dung tiêu chí không áp dụng

[illegible]

Biểu 03/TH-KQ: Số nội dung tiêu chí đánh giá phân theo mức đánh giá*ĐVT: Nội dung tiêu chí*

TT	/Cấp độ/Tiêu chí	Tổng số nội dung tiêu chí áp dụng	kết quả đánh giá				Tr.đó: số nội dung tiêu chí vượt chuẩn	Ghi chú
			Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4		
A	B	1	2	3	4	5	6	7
I	Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp và các tiêu chuẩn thống kê							
1	Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê							
2	Quản lý mối quan hệ với các bên liên quan							
3	Quản lý các tiêu chuẩn thống kê							
II	Quản lý môi trường thể chế cho các hoạt động thống kê							
4	Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê							
5	Bảo đảm tính khách quan và tính công bằng							
6	Bảo đảm tính minh bạch							
7	Bảo đảm tính bảo mật và an ninh thông tin thống kê							
8	Bảo đảm cam kết chất lượng thống kê							
9	Bảo đảm đầy đủ các nguồn lực cho hoạt động thống kê							
III	Quản lý các quy trình thống kê							
10	Bảo đảm tính đúng đắn của phương pháp luận thống kê							
11	Bảo đảm sự phù hợp giữa hiệu quả và chi phí							
12	Bảo đảm tính đúng đắn của việc thực hiện các chương trình thống kê							
13	Quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin							
IV	Quản lý các kết quả đầu ra thống kê							
14	Bảo đảm tính phù hợp							
15	Bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy							
16	Bảo đảm tính kịp thời và tính đúng hạn							
17	Bảo đảm tính dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu							
18	Bảo đảm tính chặt chẽ và tính so sánh							
19	Quản lý dữ liệu đặc tả thống kê							
	Tổng số							

Biểu 04/TH-KQ: Điểm đánh giá chất lượng thống kê phân theo tiêu chí chất lượng

DVT: Điểm

TT	Cấp độ/Tiêu chí	Tổng điểm tối đa (*)	Tổng điểm đánh giá	Chia ra		Tỷ lệ (%)	Ghi chú
				Điểm theo các mức	Điểm thưởng vượt chuẩn		
A	B	1	2	3	4	$5=(2:1)*100$	6
I	Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp và các tiêu chuẩn thống kê						
1	Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê						
2	Quản lý mối quan hệ với các bên liên quan						
3	Quản lý các tiêu chuẩn thống kê						
II	Quản lý môi trường thể chế cho các hoạt động thống kê						
4	Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê						
5	Bảo đảm tính khách quan và tính công bằng						
6	Bảo đảm tính minh bạch						
7	Bảo đảm tính bảo mật và an ninh thông tin thống kê						
8	Bảo đảm cam kết chất lượng thống kê						
9	Bảo đảm đầy đủ các nguồn lực cho hoạt động thống kê						
III	Quản lý các quy trình thống kê						
10	Bảo đảm tính đúng đắn của phương pháp luận thống kê						
11	Bảo đảm sự phù hợp giữa hiệu quả và chi phí						
12	Bảo đảm tính đúng đắn của việc thực hiện các chương trình thống kê						
13	Quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin						
IV	Quản lý các kết quả đầu ra thống kê						
14	Bảo đảm tính phù hợp						
15	Bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy						
16	Bảo đảm tính kịp thời và tính đúng hạn						
17	Bảo đảm tính dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu						
18	Bảo đảm tính chặt chẽ và tính so sánh						
19	Quản lý dữ liệu đặc tả thống kê						
	Tổng số						

(*) Tổng số điểm tối đa = Tổng số nội dung tiêu chí áp dụng x 4

